

Bản án số: 160/2022/DS-PT  
Ngày: 15-8-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Diệp.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 78/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Trương Thu H**, sinh năm 1967; địa chỉ: khu phố H, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố A, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2020); Có đơn xin vắng mặt

*Bị đơn:* Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1964 và bà **Trần Thị A**, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: khu phố M, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà A: Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố M, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2020). Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A: Luật sư **Phạm Văn V**- Luật sư của Văn phòng Luật sư Công dân và Cộng sự- thuộc đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*Có kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr- đại diện theo ủy quyền của bà Th:*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Th, bà A là chị em ruột với nhau. Bà H và bà Th, bà A là bạn bè quen biết nhau từ lâu nên bà H có cho bà Th, bà A vay tiền nhiều lần.

Trong đó, vào ngày 15-3-2019 dương lịch, bà H có cho bà A, bà Th vay số tiền 46.000.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh bột mì với thời hạn vay là từ ngày 15-3-2019 đến ngày 31-12-2019, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng đồng thời, nếu đến hạn trả nợ, bà A, bà Th không trả tiền cho bà H thì còn phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất 0,5%/ngày.

Khi cho vay, hai bên có làm hợp đồng vay tiền trên nền giấy in mẫu đánh máy sẵn, có chữ ký của bà H tại vị trí bên A (bên cho vay) và chữ ký của bà Th, bà A tại vị trí bên B (bên vay). Bà H xác định chữ viết điền nội dung trong hợp đồng vay tiền là của em gái bà H (bà Trương Thu Ngà) viết, sau đó đưa cho bà Th, bà A đọc lại nội dung và ký tên vào hợp đồng. Tuy nhiên, từ sau khi cho vay đến nay bà Th, bà A không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà H; nay, bà H khởi kiện yêu cầu bà Th, bà A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc còn nợ là 46.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16-3-2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 14.101.142.000 đồng.

Bà H xác định chồng của bà Th (ông Nguyễn Văn Liêm) không biết và không liên quan đến số tiền nợ này nên không yêu cầu ông Liêm có nghĩa vụ liên đới trả số nợ nêu trên.

*Người đại diện hợp pháp của bà Th, bà A là ông Nguyễn Văn Tr trình bày:*

Bà Th, bà A là chị em ruột với nhau. Bà Th, bà A có mối quan hệ làm ăn với bà H và có nhiều lần vay tiền của bà H để làm vốn kinh doanh bột mì, cụ thể từ năm 2016 cho đến nay. Tuy nhiên, bà Th, bà A đã trả tiền lãi vay và tiền gốc cho bà H nhiều lần cho đến tháng 6-2020 thì ngưng do gặp khó khăn về kinh tế, việc trả tiền này được kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn Dương Minh Châu (do bà Th, bà A là thành viên của công ty) theo dõi và ghi lại nhưng không có sự đối chiếu xác nhận của bà H.

Tính đến thời điểm tháng 6-2020 thì bà Th, bà A còn nợ bà H số tiền 17.000.000.000 đồng. Đối với hợp đồng vay tiền ngày 15-3-2019, bà Th, bà A xác định chữ ký tại vị trí bên B (người vay) đúng là chữ ký của bà Th, bà A nhưng nội dung mặt trước của hợp đồng vay tiền này thì bà Th, bà A không biết và xác định chữ viết tại mặt trước của hợp đồng vay tiền này không phải chữ viết của bà Th, bà A; do đó, bà Th, bà A yêu cầu giám định chữ viết này có phải là chữ viết của bà Th hay bà A hay không. Đối với việc ký hợp đồng vay tiền này là do bà H yêu cầu ký nhận nợ 17.000.000.000 đồng để bà H đưa cho ông Phát (chồng của bà H biết). Tuy nhiên, khi ký tên vào hợp đồng vay tiền thì bà Th, bà A không biết nội dung mặt trước của hợp đồng vay tiền này.

Nay, bà Th, bà A không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H vì bà Th, bà A chỉ còn nợ bà H 17.000.000.000 đồng, đồng thời bà Th, bà A chỉ ngưng trả lãi từ tháng 6-2020 nên chỉ đồng ý trả nợ gốc là 17.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01-6-2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

*Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 78/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu H đối với bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thu H số tiền tổng cộng 60.101.142.000 đồng; trong đó, nợ gốc 46.000.000.000 đồng và tiền lãi 14.101.142.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 15-10-2020, ông Nguyễn Văn Tr là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Th có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng vay tiền không có sự giao nhận tiền xảy ra để buộc bà Th, bà A phải trả 46.000.000.000 đồng và tiền lãi 14.101.142.000 đồng là không có cơ sở pháp lý và đề nghị:

+ Triệu tập bà Trương Thu Ngà, Trương Thu H và ông Phát (chồng bà H) để đối chất trực tiếp với bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A để làm rõ sự thật các khoản nợ cộng dồn trước ngày bà Ngà viết hợp đồng, việc giao nhận tiền vay 46.000.000.000 đồng có xảy ra hay không và giấy nhận nợ 17.000.000.000 đồng của bà Th giao bà H giữ, báo cho ông Phát biết;

+ Yêu cầu bà Th truy xuất cung cấp các chứng từ chuyển khoản thông tin liên quan đến việc vay, trả nợ, trả lãi đối với các khoản vay của bà H từ năm 2016 đến 2019;

+ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo, công nhận và buộc bà Trần Thị Th trả cho bà H số tiền 17.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ đầu tháng 6-2020 và lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Th, bà A, có đơn xin vắng mặt và có thể hiện nội dung giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A trình bày: Hợp đồng vay tiền ngày 15/3/2019 là do bà Ngà viết sẵn nội dung, sau đó đem cho bà Th, bà A ký tên vào. Không có tài liệu xác định việc giao nhận tiền giữa hai bên. Tại cấp sơ thẩm người đại diện cho nguyên đơn xác định giao tiền một lần, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/02/2022 người đại diện của nguyên đơn xác định vay nhiều lần, bà H cũng xác nhận vay nhiều lần từ tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng. Theo lời trình bày của người diện cho bị đơn thể hiện không có tài liệu nào chứng minh việc cho vay số tiền 46.000.000.000 (bốn mươi sáu tỷ) đồng. Chỉ có cơ sở xác định bà Th vay của bà Ngà số tiền 17.000.000.000 (mười bảy tỷ) đồng làm 02 lần, một lần 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng và một lần 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng. Từ đó cho thấy hợp đồng vay ngày 15/3/2019 là không có thật, mà chỉ có nợ liên quan đến bà Ngà. Hai công nợ này là một, mà bà Ngà đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân

Huyện Dương Minh Châu, nên không thể một vụ việc mà khởi kiện 02 vụ án khác nhau.

Bà Th thừa nhận có vay tiền của bà H, còn bà A chỉ là người ký tên cùng với bà Th trong giấy vay tiền, thực tế bà A không có vay tiền của bà H. Bà H khởi kiện yêu cầu bà Th trả nợ thì bà Th có trách nhiệm trả, bà A không có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Việc vay tiền giữa bà H với bà Th, bà A. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/3/2022 đại diện nguyên đơn xác định số tiền 46.000.000.000 (bốn mươi sáu tỷ) đồng là bà Th, bà A vay làm nhiều lần đến ngày 15/3/2019 mới chốt nợ và viết sẵn giấy nợ 46.000.000.000 (bốn mươi sáu tỷ) đồng cho bà Th, bà A ký vào. Lời trình bày này phù hợp với lời khai của bà H tại cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, bà H không cung cấp được chứng từ cho vay nhiều lần. Trong khi đó bà Ngà khai bà Th, bà Sương vay nhiều lần đến ngày 30/10/2019 chốt lại là bà Th, bà Sương vay của bà Ngà 63.000.000.000 (sáu mươi ba tỷ) đồng, trong đó có phần của bà Th vay 02 lần số tiền 17.000.000.000 (mười bảy tỷ) đồng. Xét thấy lời khai của bà Th là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Th, bà A sửa án sơ thẩm. Buộc bà Th trả cho bà H số tiền 17.000.000.000 (mười bảy tỷ) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Quyết định khởi tố bị can số 183/QĐ-VPCSDT ngày 06-5-2021 của Công an tỉnh Tây Ninh và Công văn số 997/VP CQĐT ngày 01/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh xác định bà Th vay tiền của bà H trước thời điểm mất khả năng thanh toán và chưa chuyển giao chức danh Giám đốc Công ty TNHH tinh bột sắn Dương Minh Châu cho ông Tùng nên việc vay tiền giữa bà Th và bà H là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm ngày 30-9-2020 đến ngày 15-10-2020 ông Nguyễn Văn Tr người đại diện theo ủy quyền của bà Th có đơn kháng cáo; và ngày 16-10-2020 Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh Tây Ninh có làm việc với bà Th về việc kháng cáo của ông Trí đại diện theo ủy quyền; ông

Trí có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Xét thấy việc kháng cáo ông Trí là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Hai bên có ký hợp đồng vay tài sản vào ngày 15/3/2019, không thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay. Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào nội dung của hợp đồng vay là số tiền 46.000.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay từ ngày 15/3/2019 đến ngày 31/12/2019; tại cấp sơ thẩm bị đơn cho rằng số tiền vay là 17.000.000.000 đồng do có người khác tự ghi số tiền 46.000.000.000 đồng ở trang 1 của hợp đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22-02-2022 bà Th khẳng định 46.000.000.000 đồng là khoản nợ đối với bà Trương Thu Nga, thực tế bị đơn có nợ bà H số tiền 17.000.000.000 đồng nên đồng ý trả cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Theo đơn kháng cáo bị đơn cho rằng do hai bên quen thân nhau nên từ năm 2016 đến năm 2019 bà Th đã vay tiền của bà H nhiều lần để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH tinh bột sắn Dương Minh Châu. Bà Th đã trả tiền vay và lãi nhiều lần chủ yếu bằng hình thức chuyển khoản, được kế toán của Công ty cập nhật theo dõi đầy đủ trên hệ thống sổ sách. Đầu tháng 6/2020, hai bên đã chốt nợ, viết giấy biên nhận nợ số tiền 17.000.000.000 đồng trước mặt vợ chồng bà H, ông Phát, bà Th và giao giấy cho bà H cất giữ. Mặt khác, nội dung mặt trước của hợp đồng do em ruột của bà H là Trương Thu Nga viết số tiền 46.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H và đem đến cho bà A và bà Th ký, hai bên hoàn toàn không có việc giao nhận tiền. Bà H cũng không chứng minh được số lần, hình thức giao tiền, loại tiền và nguồn gốc tiền cho vay và không có tài sản đảm bảo cho một khoản vay quá lớn. Nhưng tại phiên tòa, bà Trần Thị Th lại xác định từ năm 2016 đến năm 2019 giữa bà Th và bà H có thỏa thuận với nhau về việc vay mượn tiền nhưng nguồn tiền cho vay là của bà Nga và việc giao tiền do bà Nga trực tiếp thực hiện. Bà cũng thừa nhận đã được đọc đầy đủ nội dung mặt trước hợp đồng, ký tên mặt sau, biết rõ người cho vay 46.000.000.000 đồng thể hiện trên hợp đồng là bà H nhưng nài ra rằng đây là khoản vay đối với bà Nga nhưng các bên thống nhất để bà H đứng tên thay cho bà Nga (vì bà Nga đi làm việc tại Ngân hàng không tiện đứng tên trên hợp đồng). Bà H cho rằng sau đó 03 tháng tức tháng 6/2019 bà mới viết giấy nợ bà H số tiền 17.000.000.000 đồng nên nay chỉ nợ bà H 17.000.000.000 đồng.

Xét thấy, mặc dù lời trình bày của bà Th và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có khác nhau nhưng việc bà A và bà Th có ký tên vào hợp đồng vay do nguyên đơn xuất trình là sự thật, được hai bên thừa nhận. Khi bị đơn ký tên đã đọc rõ toàn bộ nội dung của hợp đồng, nay nài ra rằng 46.000.000.000 đồng là khoản vay của bà Nga, quá trình giải quyết vụ án bà Nga không thừa nhận, bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Mặt khác theo tài liệu thu thập từ cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh cho thấy bà Th, bà Sương có vay nhiều lần của bà Nga số tiền lên đến 82.000.000.000 (Tám mươi hai tỷ) đồng, đã trả nhiều lần còn nợ 43 tỷ đồng, trong đó có phần bà Th vay 02 lần với tiền 17.000.000.000 (mười bảy tỷ) đồng, bà Th có viết giấy nhận nợ đối với bà Nga (BL 263). Bà Nga

đã kiện bà Th, bà Sương tại TAND huyện Dương Minh Châu. Từ đó có căn cứ xác định 02 khoản tiền vay của bà H và bà Ngà là hoàn toàn không liên quan đến nhau. Việc người đại diện cho bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A nêu khi bà Th, bà A ký giấy nợ với bà H không xem mặt trước là không cơ sở, vì bà Th, bà A là người kinh doanh và thừa nhận nhiều lần vay, trả tiền của bà H. Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A không có cơ sở chấp nhận.

Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về cách tính tiền lãi cũng như xác định nghĩa vụ trả nợ: Toà án cấp sơ thẩm đã tính lãi đúng theo quy định của pháp luật, hơn nữa do không có ai kháng cáo về nội dung này, nên Toà án cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[6] Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A phải chịu chung 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Th và bà Trần Thị A.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 78/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu H đối với bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thu H tổng cộng số tiền 60.101.142.000 (sáu mươi tỷ, một trăm lẻ một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng; trong đó, nợ gốc 46.000.000.000 (bốn mươi sáu tỷ) đồng và tiền lãi 14.101.142.000 (mười bốn tỷ, một trăm lẻ một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bà Trương Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị A, bà Trần Thị Th không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho*

*bà Trương Thu H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

### 3. Về án phí

#### 3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A phải liên đới chịu 168.101.142 (Một trăm sáu mươi tám triệu, một trăm lẻ một nghìn, một trăm bốn mươi hai) đồng.

Bà Trương Thu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 82.345.000 đồng, theo Biên lai thu số: 0000147 ngày 11-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Th, bà Trần Thị A phải chịu chung 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Trí nộp thay), theo Biên lai thu số: 0000670 ngày 16-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND.TTN;
- TAND. TPT;
- Chi cục THADS. TPT;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Văn Diệp**





